

# QUYỀN KHỞI KIẾN VÀ XÁC ĐỊNH TƯ CÁCH ĐƯƠNG SỰ CỦA TỔ CHỨC

NGUYỄN THỊ THU HÀ\*

**Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc doanh nghiệp tổ chức theo mô hình công ty mẹ, công ty con thuộc tổ chức có tư cách pháp nhân và cơ sở tôn giáo thuộc tổ chức không có tư cách pháp nhân có quyền tự mình khởi kiện hoặc được xác định là đương sự trong vụ án không? Nội dung này sẽ được làm rõ trong bài viết, cùng với đó là một số đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề này.**

*Từ khóa: Tổ chức; tổ tụng dân sự; quyền khởi kiện; tư cách đương sự.  
Nhận bài: 21/4/2020; biên tập xong: 05/5/2020, duyệt bài: 06/5/2020.*

Theo quy định tại Điều 186, 187 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì cơ quan, tổ chức có quyền khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, của người khác, bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức khởi kiện để bảo vệ lợi ích của mình hoặc bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng thì sẽ được xác định tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn (khoản 2 Điều 68 BLTTDS năm 2015). Khi cơ quan, tổ chức khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác thì được xác định tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo pháp luật của người được bảo vệ (khoản 2 Điều 85 BLTTDS năm 2015). Ngoài ra, cơ quan, tổ chức còn có thể là bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự

(khoản 1 Điều 68 BLTTDS năm 2015).

## 1. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

Theo quy định tại Điều 1 BLTTDS năm 2015 thì tổ chức có quyền khởi kiện vụ án dân sự, có tư cách độc lập tham gia tố tụng tại Tòa án hoặc được xác định là đương sự trong vụ án dân sự bao gồm: Tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Tuy nhiên, các tổ chức này có tư cách pháp nhân hay không? Có ý kiến cho rằng, khi BLTTDS năm 2015 dùng từ tổ chức thì cần hiểu là sẽ có tổ chức có tư cách pháp nhân nhưng cũng có những tổ chức không có tư

\* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.

cách pháp nhân và cả hai tổ chức này đều có quyền khởi kiện nhân danh cho chính tổ chức đó và có thể là đương sự trong vụ án dân sự. Ý kiến khác lại cho rằng, chủ thể được gắn với tư “tổ chức” sẽ luôn có tư cách pháp nhân để độc lập tham gia tố tụng tại Tòa án<sup>1</sup>.

Có thể thấy, BLTTDS năm 2015 chỉ liệt kê các loại tổ chức nên muốn xác định các tổ chức này có tư cách pháp nhân hay không cần thiết phải xác định trên cơ sở quy định của Bộ luật Dân sự (BLDS). Nếu theo Điều 100 BLDS năm 2005 thì thuật ngữ “tổ chức” được liệt kê tại các điều 1, 68, 186 và 187 BLTTDS năm 2015 đều là các tổ chức có tư cách pháp nhân. Còn theo quy định tại Điều 75 BLDS năm 2015 thì các tổ chức này là pháp nhân thương mại hoặc pháp nhân phi thương mại. Như vậy, mặc dù chưa có sự thống nhất trong cách sử dụng thuật ngữ về chủ thể tham gia tố tụng dân sự trong BLDS năm 2015 và BLTTDS năm 2015 nhưng cần khẳng định rằng, tổ chức có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo quy định tại Điều 186, 187 BLTTDS năm 2015 hay được xác định là đương sự trong vụ án dân sự phải là tổ chức có tư cách pháp nhân. Bởi vì, chỉ khi là tổ chức có tư cách pháp nhân thì các tổ chức này mới có tư cách pháp lý được nhân danh chính tổ chức độc lập tham gia các quan hệ pháp luật nội dung và quan hệ pháp luật tố tụng. Việc tham gia tố tụng dân sự của các tổ chức này được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức căn cứ vào điều lệ, quyết định thành lập, quyết định của Tòa án hoặc văn bản ủy quyền.

1. Nguyễn Thị Hương, *Khởi kiện và thủ lý vụ án dân sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2019, tr.89

Ngoài ra, việc khởi kiện và xác định tư cách đương sự của tổ chức cần lưu ý một số điểm như sau:

- Đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức có tư cách pháp nhân: Theo Điều 84 BLDS năm 2015, mọi hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện đều nhân danh tổ chức có tư cách pháp nhân nên khi tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức có tư cách pháp nhân thì việc khởi kiện hoặc tham gia tố tụng với tư cách đương sự phải do tổ chức có tư cách pháp nhân thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức có tư cách pháp nhân. Trong trường hợp này, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức có tư cách pháp nhân có thể là người đại diện theo ủy quyền nếu có văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của tổ chức có tư cách pháp nhân.

Ví dụ: Ngân hàng Agribank có chi nhánh tại quận T, thành phố H. Chi nhánh này thực hiện ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với công ty A để cho công ty A vay vốn thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến thời hạn trả nợ, công ty A không trả được nợ cho ngân hàng thì chủ thể có quyền khởi kiện công ty A để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản phải là Agribank, không phải là chi nhánh ngân hàng Agribank tại quận T, thành phố H. Bởi vì, chi nhánh ngân hàng Agribank không có tư cách pháp nhân, hoạt động dựa trên sự ủy quyền của ngân hàng Agribank, do đó, nguyên đơn trong vụ án này là ngân hàng Agribank. Giám đốc chi nhánh ngân hàng Agribank có thể tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền.

Tuy nhiên, trên thực tế việc xác định tư cách đương sự trong các vụ án liên quan đến hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức có tư cách pháp nhân không phải lúc nào cũng giống nhau. Chúng ta đưa ra ví dụ cụ thể như sau:

Nội dung vụ án: Tổ chức Action Aid International (gọi tắt là AAI) được thành lập theo pháp luật Hà Lan và có trụ sở tại Nam Phi. Tổ chức AAI thành lập văn phòng đại diện tại thành phố H, Việt Nam (gọi tắt là AAV). AAV đã được Bộ Ngoại giao cấp giấy đăng ký lập văn phòng đại diện của tổ chức AAI tại thành phố H, Việt Nam. Ngày 02/01/2004, chị T ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với AAV với vị trí cán bộ trợ lý hành chính. Sau đó, năm 2016, AAV thực hiện tái cơ cấu tổ chức nên sắp xếp cho chị T công việc mới là cán bộ hỗ trợ hành chính. Chị T không đồng ý nên AAV đã ra Quyết định buộc thôi việc số AAV/HROD/INT/2016-39 ngày 28/10/2016 đối với chị T với lý do “thực hiện tái cơ cấu tổ chức”. Ngày 13/10/2017, chị T đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận H, thành phố H yêu cầu Tòa án hủy quyết định buộc thôi việc của AAV và giải quyết các quyền lợi, chế độ theo quy định của Bộ luật lao động năm 2012.

Về việc xác định bị đơn, Tòa án quận H nhận định: Trong đơn khởi kiện, chị T khởi kiện AAV nên Thẩm phán có giải thích cho chị T về việc chị T khởi kiện AAV là không đúng, mà phải khởi kiện tổ chức AAI. Ngày 02/01/2019, chị T có đơn đề nghị Tòa án xác định bị đơn theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân quận H đã nhận định là theo quy định tại Điều 84 BLDS năm 2015, AAV là đơn vị trực thuộc tổ chức AAI, không có tư cách pháp nhân. Vì vậy, xác định tổ chức

AAI là bị đơn trong vụ án; AAV không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Toà án nhân dân quận H ra Bản án số 01/2019/LĐ-ST ngày 31/01/2019 không chấp nhận yêu cầu của chị T. Chị T đã kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm này. Toà án nhân dân thành phố H đã ra Bản án phúc thẩm số 10/2019/LĐ-ST ngày 20/05/2019, theo đó đã sửa bản án sơ thẩm về việc xác định tư cách đương sự trong vụ án trên. Toà án nhân dân thành phố H nhận định: Toà án cấp sơ thẩm xác định bị đơn tổ chức AAI là chưa đúng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 68 BLTTDS năm 2015 thì bị đơn là người hoặc cơ quan, tổ chức bị nguyên đơn khởi kiện. Văn phòng đại diện của AAI tại thành phố H, Việt Nam đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập. Do vậy, AAV là bị đơn trong vụ án.

Vậy, việc xác định bị đơn của Tòa án cấp sơ thẩm hay Tòa án cấp phúc thẩm là chính xác?

Có thể thấy, AAI là tổ chức phi Chính phủ có tư cách pháp nhân. Theo thoả thuận khung giữa Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và tổ chức AAI, cũng như trong giấy đăng ký lập văn phòng đại diện của AAI tại thành phố H, Việt Nam thì AAV thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức AAI với tư cách đại diện cho tổ chức AAI, mọi hoạt động của AAV đều nhân danh tổ chức AAI. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 1 Điều 467 BLTTDS năm 2015 thì năng lực pháp luật tố tụng dân sự của văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức nước ngoài được xác định theo pháp luật Việt Nam. Do đó, theo Điều 84 BLDS năm 2015, văn phòng đại diện của tổ chức AAI là đơn vị trực thuộc tổ chức AAI, không có tư cách pháp nhân. Như vậy, nguyên đơn

phải khởi kiện tổ chức AAI và khi đó, Tòa án sẽ xác định tổ chức AAI là bị đơn.

Tuy nhiên, trong vụ án này, chị T lại khởi kiện AAV mà không khởi kiện tổ chức AAI. Chính vì điều này mà Tòa án cấp phúc thẩm nhận định Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định sai tư cách đương sự do khoản 3 Điều 68 BLTTDS năm 2015 quy định bị đơn là tổ chức bị nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ căn cứ vào điều kiện bị nguyên đơn khởi kiện để xác định bị đơn cũng chưa chính xác, bởi vì như phân tích ở trên, trong trường hợp muốn xác định tổ chức là bị đơn thì tổ chức đó phải có tư cách pháp nhân.

Hơn nữa, Tòa án cấp phúc thẩm lập luận rằng AAV có tư cách pháp nhân do được thành lập hợp pháp thì cũng chưa chính xác, bởi vì: (i) Tổ chức được cơ quan có thẩm quyền thành lập hợp pháp chỉ mới thoả mãn 01 trong 04 điều kiện quy định tại Điều 74 BLDS năm 2015 để một tổ chức có tư cách pháp nhân; (ii) Mâu thuẫn với chính nhận định sau đó của Tòa án cấp phúc thẩm là “trong quá trình giải quyết vụ án, tổ chức AAI đã ủy quyền cho trưởng văn phòng đại diện của AAV...”. Tòa án cấp phúc thẩm đã xác định AAV là bị đơn, có tư cách độc lập tham gia tố tụng tại Tòa thì không cần có sự uỷ quyền của tổ chức AAI nữa, khi đó trưởng văn phòng đại diện sẽ là người đại diện theo pháp luật chứ không phải là người đại diện theo ủy quyền.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là trong trường hợp nguyên đơn khởi kiện không đúng bị đơn theo quy định của pháp luật thì Tòa án xử lý như thế nào?

Trước tiên, Tòa án cần giải thích cho nguyên đơn hiểu là nguyên đơn đã khởi kiện không đúng bị đơn để nguyên đơn sửa đổi lại

đơn khởi kiện. Trong trường hợp đã được Tòa án giải thích nhưng nguyên đơn vẫn không thay đổi người bị kiện thì Tòa án xử lý như thế nào?

Về vấn đề này, ý kiến thứ nhất cho rằng, Tòa án có quyền xác định tư cách đương sự trên cơ sở quy định của pháp luật. Ý kiến thứ hai cho rằng, sau khi Tòa án đã giải thích mà nguyên đơn không sửa đổi đơn khởi kiện thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện. Ý kiến thứ ba cho rằng, Tòa án vẫn thụ lý và ra bản án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do nguyên đơn khởi kiện không đúng bị đơn.

Tòa án không thể xác định bị đơn như ý kiến thứ nhất, bởi nếu Tòa án xác định bị đơn là tổ chức có tư cách pháp nhân thì không đúng với khoản 3 Điều 68 BLTTDS năm 2015. Tòa án cũng không thể xác định văn phòng đại diện của tổ chức có tư cách pháp nhân là bị đơn vì không đúng quy định tại Điều 84 BLDS năm 2015 và Điều 186 BLTTDS năm 2015. Còn theo ý kiến thứ hai là Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho đương sự sau khi đã yêu cầu sửa đổi, bổ sung cũng không đúng với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS năm 2015; bởi vì, trường hợp trong đơn khởi kiện ghi không đúng tên, địa chỉ của người bị kiện mà không sửa chữa, bổ sung theo yêu cầu của Thẩm phán thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện, còn ở đây là nguyên đơn không thay đổi người bị kiện. Ý kiến thứ ba là hợp lý nhất bởi vì đơn khởi kiện đã thoả mãn đầy đủ các điều kiện để thụ lý nên Tòa án vẫn thụ lý, giải quyết. Tuy nhiên, do nguyên đơn khởi kiện không đúng bị đơn theo quy định của pháp luật thì Tòa án có quyền không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Đối với doanh nghiệp tổ chức mô hình công ty mẹ, công ty con thì có trường hợp

không chỉ công ty mẹ có tư cách pháp nhân mà công ty con cũng có tư cách pháp nhân. Do đó, khi có tranh chấp xảy ra giữa công ty con với các chủ thể khác thì công ty con vẫn được tự mình khởi kiện hoặc được xác định là đương sự trong các vụ án dân sự.

Ví dụ: Tập đoàn điện lực Việt Nam là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu nhà nước. Dưới Tập đoàn điện lực Việt Nam có 09 tổng công ty là các công ty con nhưng đều có tư cách pháp nhân. Các tranh chấp liên quan đến hoạt động của 09 tổng công ty này thì có thể tự mình khởi kiện hoặc được xác định là đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, các công ty điện lực trực thuộc 05 tổng công ty này thì mặc dù tên gọi là công ty nhưng hoạt động theo mô hình chi nhánh. Do đó, trong trường hợp tranh chấp liên quan đến hoạt động của các công ty điện lực (như Công ty điện lực Thanh Xuân, Công ty điện lực Hoàn Kiếm...) thì chủ thể khởi kiện hoặc được xác định là đương sự trong vụ án phải là tổng công ty điện lực. Giám đốc công ty điện lực sẽ là người đại diện theo ủy quyền nếu có văn bản ủy quyền.

## 2. Tổ chức không có tư cách pháp nhân

Hiện nay, theo quy định của BLDS năm 2015, chỉ còn 02 loại chủ thể tham gia quan hệ dân sự là cá nhân và pháp nhân. Còn những chủ thể như hộ gia đình, tổ hợp tác, doanh nghiệp tư nhân, văn phòng luật sư và các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân không được coi là chủ thể tham gia quan hệ dân sự. Do đó, tổ hợp tác, hộ gia đình, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự thì sẽ tham gia với tư cách là cá nhân hoặc nhóm cá nhân. Đó là, "hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự thì các thành viên

của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự... Trường hợp thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự không được các thành viên khác ủy quyền làm người đại diện thì thành viên đó là chủ thể của quan hệ dân sự do mình xác lập, thực hiện" (Điều 101 BLDS năm 2015). Điều này có nghĩa là, khi tổ hợp tác, hộ gia đình, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân không có năng lực chủ thể độc lập tham gia vào các quan hệ pháp luật nội dung thì cũng không thể trở thành chủ thể độc lập nhân danh chính tổ chức trong các quan hệ tố tụng. Hay nói cách khác, tổ hợp tác, hộ gia đình, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự với tư cách là cá nhân hoặc nhóm cá nhân thì khi xảy ra tranh chấp liên quan đến các giao dịch dân sự do các thành viên của tổ hợp tác, hộ gia đình, tổ chức không có tư cách pháp nhân thực hiện thì các thành viên của tổ hợp tác, hộ gia đình, tổ chức không có tư cách pháp nhân sẽ là người khởi kiện và được xác định là đương sự trong vụ án dân sự, chứ hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân không phải là đương sự. Điều này cũng tương thích với Luật doanh nghiệp năm 2014 khi quy định chủ doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp (khoản 3 Điều 185 Luật doanh nghiệp năm 2014).

Tuy nhiên, theo quy định của Luật đất đai năm 2013 thì người sử dụng đất ngoài tổ

chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng đất còn có cơ sở tôn giáo. Vậy khi cơ sở tôn giáo sử dụng đất mà phát sinh tranh chấp thì cơ sở tôn giáo có quyền tự mình khởi kiện hoặc được xác định là đương sự trong vụ án dân sự không?

Ví dụ: Bà Lê Thị A (mẹ của ông M) nhận chuyển nhượng mảnh đất diện tích 5.000m<sup>2</sup> từ ông T vào năm 1977, khi nhận chuyển nhượng hai bên có lập giấy viết tay. Đến năm 1978, mẹ ông M đã cất chùa lấy tên TK, lúc này đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2002, mẹ ông M chết không để lại di chúc, ông M là người thừa kế duy nhất của bà A. Ngày 06/11/2002, ông M đã làm văn bản khai nhận di sản thừa kế đã được Ủy ban nhân dân huyện H xác nhận là con duy nhất của bà A nhưng chưa kê khai thừa đất trên. Ngày 01/6/2010, ông M có đơn thỉnh nguyện bà B về làm trụ trì để chăm lo ngôi tam bảo và hướng dẫn tu tập, đơn có xác nhận của Ban đại diện Phật giáo xã Z. Đến ngày 12/7/2010, ông M lập ủy quyền cho bà B quản lý chùa và được toàn quyền đứng tên đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chùa TK. Giấy ủy quyền trên được lập tại Ủy ban nhân dân xã Z. Ngày 26/7/2011, bà B được bổ nhiệm trụ trì chùa TK. Đến ngày 18/10/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chùa TK. Giữa năm 2012, phần nhà phía sau chùa bị sạt lún nên bà B đổ móng nâng mặt bằng thì ông M đã đập hết. Bà B khởi kiện yêu cầu ông M phải trả lại diện tích đất cho chùa TK; còn 100m<sup>2</sup> phía sau chùa, bà B đồng ý cho ông M ở.

Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh N nhận định bà B là trụ trì chùa TK, chùa TK không phải là pháp nhân, nên bà B đại diện chùa khởi kiện không đúng, không có

quyền khởi kiện. Tại phiên tòa, bà B rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên căn cứ khoản 2 Điều 217 BLTTDS năm 2015, Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông M có yêu cầu phản tố hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chùa TK và công nhận thừa đất trên thuộc quyền sử dụng của ông M. Do đó, Tòa án xác định ông Trần Văn M là nguyên đơn, bà Mai Thị B là bị đơn. Trong quá trình xét xử, Tòa án đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M và tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chùa TK<sup>2</sup>.

Về việc xác định quyền khởi kiện và tư cách đương sự trong vụ án này, theo chúng tôi cần phải làm rõ quyền sở hữu tài sản của các cơ sở tôn giáo thì mới xác định được chủ thể nào có đủ tư cách khởi kiện ra Tòa án và độc lập tham gia tố tụng tại Tòa án.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Luật đất đai năm 2013 thì cơ sở tôn giáo gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, niệm Phật đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo và cơ sở khác của tôn giáo. Căn cứ vào khoản 4 Điều 102 Luật đất đai năm 2013 và Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ sở tôn giáo. Do đó, đối với cơ sở tôn giáo, cần làm rõ các trường hợp sau:

*Thứ nhất, cơ sở tôn giáo thuộc sự quản lý của tổ chức tôn giáo:* Tùy theo sự phân cấp

2 Bùi Ái Giản, *Chùa có phải là pháp nhân trong vụ án dân sự*, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/xet-xu/chua-co-phai-la-phap-nhan-trong-vu-an-dao-su>, truy cập ngày 16/4/2020.

quản lý của tổ chức tôn giáo mà cơ sở tôn giáo trực thuộc tổ chức tôn giáo hay tổ chức tôn giáo trực thuộc. Theo Điều 21, Điều 30 Luật tôn giáo, tín ngưỡng năm 2016 và Điều 9 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo thì các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có thể được cơ quan có thẩm quyền công nhận là pháp nhân phi thương mại. Do đó, nếu các tranh chấp liên quan đến cơ sở tôn giáo thì tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc sẽ có quyền khởi kiện và được xác định là đương sự trong vụ án dân sự tùy thuộc vào việc cơ sở tôn giáo đó thuộc tổ chức tôn giáo hay thuộc tổ chức tôn giáo trực thuộc. Người đứng đầu cơ sở tôn giáo có thể tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Tuy nhiên, riêng đối với cơ sở tôn giáo (cơ sở tự viện) của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thì Điều 57 Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam khóa VIII (2017 - 2022) quy định: “Đơn vị cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là chùa, tổ đình, tịnh xá, thiền viện, tu viện, tịnh viện, tịnh thất, niệm Phật đường (gọi chung là tự viện), dưới sự quản lý của các cấp giáo hội”<sup>3</sup>. Nội quy Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam khóa VIII (2017 - 2022) quy định: “Tự viện là giáo sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam; tự viện chịu sự quản lý của Giáo hội Phật giáo Việt Nam; tự viện

hình thành và phát triển có sự đóng góp của nhiều người hoặc từ các nguồn công sức khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm mục đích phục vụ lợi ích chung hợp pháp của cộng đồng, nên tự viện thuộc sở hữu chung; Các cấp giáo hội quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản chung của tự viện theo truyền thống, tập quán của Phật giáo Việt Nam, Tông môn, Hệ phái để phục vụ lợi ích chung của tự viện, nhưng không được vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; tài sản của tự viện là tài sản chung hợp nhất không thể phân chia...” (Điều 26)<sup>4</sup>. Do đó, cơ sở tôn giáo là đơn vị trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tài sản của cơ sở tôn giáo là tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Do đó, các tranh chấp liên quan đến các cơ sở tôn giáo thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam thì Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ là người khởi kiện hoặc được xác định với tư cách là đương sự trong các vụ án dân sự. Giáo hội Phật giáo Việt Nam có thể ủy quyền cho người đứng đầu các cơ sở tôn giáo tham gia tố tụng. Nếu xác định như thế này có vẻ chưa hợp lý bởi Giáo hội Phật giáo Việt Nam có sự phân cấp quản lý xuống các cấp giáo hội (Giáo hội Phật giáo tỉnh, quận (huyện) nhưng hiện tại các tổ chức tôn giáo trực thuộc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam vẫn gần như chưa được cấp có thẩm quyền công nhận là các pháp nhân phi thương mại mà chỉ có Giáo hội Phật giáo Việt Nam được công nhận là pháp nhân phi thương mại, nên tranh chấp liên quan đến cơ sở tôn giáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam vẫn phải do Giáo hội

3. Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, <https://phatgiao.org.vn/toan-van-hien-chuong-moi-nhat-giao-hoi-phat-giao-viet-nam-d32675.html>, truy cập ngày 17/04/2020.

4. Nội quy Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, <https://giaocong.vn/thuvien/giaohoi-phat-giaovietnam/2018/10/29/767481>, truy cập ngày 17/04/2020

Phật giáo Việt Nam khởi kiện và độc lập tham gia tố tụng tại Toà án.

*Thứ hai, cơ sở tôn giáo chưa thuộc sự quản lý của tổ chức tôn giáo:* Đây là một thực tế tồn tại của Việt Nam rất nhiều năm nay, khi mà có rất nhiều chùa, đình của làng (xã) chưa thuộc sự quản lý của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Các chùa, đình hình thành và phát triển do dân làng tự đứng ra lo liệu tổ chức và quản lý, người được phân công quản lý và xây dựng do dân làng bầu ra. Do các đặc điểm này mà người ta gọi “chùa làng”, “đình làng”. Dựa trên nguồn gốc hình thành chùa, đình làng này có thể xác định đây là tài sản của làng, thuộc sở hữu chung của cộng đồng dân cư. Theo quy định tại Điều 211 BLDS năm 2015 thì: “Sở hữu chung của cộng đồng là sở hữu của dòng họ, thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc, cộng đồng tôn giáo và cộng đồng dân cư khác đối với tài sản được hình thành theo tập quán, tài sản do các thành viên của cộng đồng cùng nhau đóng góp, quyền góp, được tặng cho chung hoặc từ các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm mục đích thỏa mãn lợi ích chung hợp pháp của cộng đồng. Các thành viên của cộng đồng cùng quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản chung theo thỏa thuận hoặc theo tập quán vì lợi ích chung của cộng đồng nhưng không được vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Tài sản chung của cộng đồng là tài sản chung hợp nhất không phân chia”. Do đó, khi có tranh chấp liên quan đến chùa làng, đình làng thì các thành viên của làng (xã) sẽ có quyền khởi kiện và được xác định là đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, bao giờ dân làng (xã) cũng bầu ra Ban trị sự quản lý chùa, đình

nên Ban trị sự sẽ quyết định ai sẽ thay mặt dân làng (xã) thực hiện việc khởi kiện và tham gia tố tụng chứ không xác định chùa làng, đình làng là đương sự trong vụ án.

Ngoài ra, hiện nay còn một thực tế là các cá nhân tự xây dựng chùa và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chùa. Trường hợp này cần xác định đây không phải là cơ sở tôn giáo, bởi nó tự hình thành theo ý muốn cá nhân nên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đứng tên chùa là sai, mà phải cấp cho cá nhân người đang sử dụng mảnh đất và sở hữu chùa đó. Nếu có tranh chấp liên quan đến chùa do cá nhân tự xây dựng thì cá nhân đó có quyền khởi kiện hoặc được xác định là đương sự trong vụ án. Cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chùa thì Toà án cần phải tuyên huỷ quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó.

Qua những phân tích trên đây, có thể xác định trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông M và bà B - trụ trì chùa TK thì Tòa án đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M và tuyên huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chùa TK là đúng. Bởi vì, chùa TK là do mẹ ông M tự xây lên và ông M mời bà B về làm trụ trì của chùa. Chùa TK không phải là cơ sở tôn giáo để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chùa. Mảnh đất có ngôi chùa TK phải được xác định là di sản thừa kế của bà A để lại cho ông M, nên Tòa án huỷ quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chùa TK là đúng quy định của pháp luật, cũng như việc xác định ông M là nguyên đơn, bà B là bị đơn đúng theo quy định BLTTDS năm 2015.



### 3. Một số kiến nghị

Qua những phân tích, bình luận trên có thể thấy sự không thống nhất trong các quy định của pháp luật đã dẫn đến những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ án dân sự. Vì vậy, theo chúng tôi cần thiết phải thực hiện một số sửa đổi, bổ sung như sau:

*Thứ nhất*, cần sửa đổi quy định về chủ thể có quyền khởi kiện và được xác định tư cách đương sự tại các điều 68, 186, 187 BLTTDS năm 2015 phù hợp với BLDS năm 2015, theo đó chỉ có cá nhân, pháp nhân có quyền khởi kiện và được xác định là đương sự trong vụ án dân sự. Đồng thời, Tòa án nhân dân tối cao cần hướng dẫn cụ thể về quyền khởi kiện và việc xác định tư cách đương sự của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân theo hướng: Tranh chấp liên quan đến tổ hợp tác, hộ gia đình, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân thì thành viên của tổ hợp tác, hộ gia đình, tổ chức không có tư cách pháp nhân là người khởi kiện và được xác định là đương sự trong vụ án dân sự.

*Thứ hai*, luật đất đai cần sửa đổi quy định về người sử dụng đất và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ thể. Theo đó, khoản 4 Điều 5 Luật đất đai năm 2013 cần quy định người sử dụng đất là tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc chứ không phải là cơ sở tôn giáo. Đồng thời, bỏ quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ sở tôn giáo mà quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Điều này sẽ giải quyết được vướng mắc hiện nay là do các tổ chức tôn giáo trực thuộc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam vì không có tài sản độc lập với

các cá nhân, pháp nhân khác nên vẫn chưa được cấp có thẩm quyền công nhận là pháp nhân phi thương mại theo quy định của Luật tôn giáo, tín ngưỡng năm 2016.

*Thứ ba*, trong thời gian tới, để giải quyết các thực tế của Việt Nam liên quan đến cơ sở tôn giáo thì Tòa án nhân dân tối cao cần có hướng dẫn cụ thể, theo hướng:

- Cơ sở tôn giáo thuộc sự quản lý của tổ chức tôn giáo thì các tranh chấp liên quan đến cơ sở tôn giáo sẽ do tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc khởi kiện và được xác định là đương sự trong vụ án dân sự tùy thuộc vào việc cơ sở tôn giáo đó thuộc tổ chức tôn giáo hay thuộc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

- Cơ sở tôn giáo chưa thuộc sự quản lý của tổ chức tôn giáo thì căn cứ vào quy định của BLDS năm 2015 về sở hữu chung của cộng đồng để xác định các tranh chấp liên quan đến cơ sở tôn giáo này sẽ do nhóm cá nhân hoặc cá nhân đại diện cho cộng đồng dân cư khởi kiện.

- Những nơi sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng do cá nhân tự hình thành thì không được gọi là cơ sở tôn giáo và việc tranh chấp liên quan đến những nơi này sẽ quy chiếu về việc khởi kiện với tư cách cá nhân.

*Thứ tư*, Tòa án nhân dân tối cao cần hướng dẫn trường hợp trong đơn khởi kiện mà nguyên đơn khởi kiện chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức có tư cách pháp nhân thì Tòa án cần giải thích cho nguyên đơn hiểu là nguyên đơn đã khởi kiện không đúng bị đơn để nguyên đơn sửa đổi lại đơn khởi kiện. Nếu đã được Tòa án giải thích nhưng nguyên đơn vẫn không thay đổi người bị kiện thì Tòa án vẫn thụ lý và ra bản án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. □